

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI
Số: 577/QĐ-ĐHTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 4 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v Cảnh báo kết quả học tập đối với sinh viên chính quy
học kì 2 năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 555/QĐ-TM-ĐT ngày 16/8/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy định về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 247/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 10/4/2017, Quyết định số 598/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 12/9/2017, Quyết định số 432/QĐ-ĐHTM-QLĐT ngày 09/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều trong Quy định đào tạo hệ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM ngày 22/7/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại; Quyết định số 961/QĐ-ĐHTM ngày 06/6/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Thương mại ban hành theo Quyết định số 1119/QĐ-ĐHTM;

Căn cứ kết luận tại biên bản họp Hội đồng xét cảnh báo kết quả học tập, thôi học cấp Trường đối với sinh viên chính quy học kỳ 2 năm học 2024-2025 ngày 21/8/2025;

Xét đề nghị của Trường phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo kết quả học tập 147 sinh viên chính quy thuộc các Khoa/Viện, trong đó:

- Viện Quản trị kinh doanh: 22 sinh viên
- Khoa Khách sạn – Du lịch: 16 sinh viên
- Khoa Marketing: 14 sinh viên
- Viện Kế toán – Kiểm toán: 14 sinh viên

- Khoa Kinh tế: 10 sinh viên
- Khoa Luật: 6 sinh viên
- Khoa Tài chính – Ngân hàng: 14 sinh viên
- Khoa Tiếng Anh: 8 sinh viên
- Khoa Hệ thống thông tin kinh tế và Thương mại điện tử: 8 sinh viên
- Khoa Quản trị nhân lực: 6 sinh viên
- Viện Đào tạo Quốc tế: 2 sinh viên
- Khoa Tiếng Trung Quốc: 4 sinh viên
- Khoa Toán kinh tế: 3 sinh viên

(có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà): Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng các Khoa/Viện quản lý chuyên ngành đào tạo và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



GS, TS Nguyễn Hoàng Việt

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH CẢNH BÁO KẾT QUẢ HỌC TẬP SINH VIÊN CHÍNH QUY
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2024-2025**

(Kèm theo Quyết định số 577/QĐ-ĐHTM ngày 4 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thương mại)

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
1	20D100017	Lâm Văn Hải	K56A1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
2	20D100218	Lê Thị Chiền	K57A4	Không đăng kí học tập trong học kì chính
3	21D100001	Đặng Quỳnh Anh	K57A6	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
4	21D100103	Nguyễn Phương Anh	K57A1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
5	21D100163	Vũ Mai Hồng	K57A2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
6	21D100331	Trần Văn Trường	K57A5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
7	21D100352	Nguyễn Tài Hùng	K57A6	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
8	21D100379	Lê Hà Vi	K57A6	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
9	22D100061	Trần Đức Duy	K58A3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
10	22D100081	Nguyễn Tiến Đạt	K58A2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
11	22D100136	Vũ Đỗ Quang Huy	K58A5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
12	22D100241	Phan Hoàng Phúc	K58A4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
13	22D100295	Đỗ Ngọc Thanh Thủy	K58A4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
14	22D100314	Nguyễn Đình Trung	K58A4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
15	22D100317	Nguyễn Quang Trường	K58A5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
16	23D100070	Trần Huy Hoàng	K59A2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
17	24D100077	Vũ Trung Kiệt	K60A2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
18	24D100123	Lâm Ngọc Huy	K60A3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
19	23D108015	Nguyễn Trọng Huy	K59AA1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
20	23D108040	Phạm Minh Quân	K59AA1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
21	24D106025	Lê Phương Linh	K60AA1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
22	22D109037	Nguyễn Duy Nguyên	K58AS1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
23	19D110153	Lê Đoàn Trung Đức	K55B3KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
24	20D110013	Đỗ Thị Hồng Duyên	K56B1KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
25	20D110060	Trịnh Minh Vương	K56B1KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
26	20D110093	Trần Lê Huy	K56B2KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
27	20D110112	Đỗ Danh Quý	K56B2KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
28	20D110142	Đỗ Tuấn Anh	K56B3KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
29	20D110145	Nguyễn Tú Anh	K57B3KS	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
30	20D110267	Nguyễn Trần Minh Trường	K57B4KS	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
31	21D110011	Trần Anh Minh	K57B5KS	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
32	21D110152	Nguyễn Đình Hậu	K57B2KS	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
33	21D110288	Cao Tuấn Thành	K57B5KS	Không đăng kí học tập trong học kì chính
34	20D111078	Nguyễn Thị Bích Hiền	K56B2KD	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
35	21D111142	Phạm Huy Nghĩa	K57B1KD	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
36	21D111219	Nguyễn Chí Thắng	K57B2KD	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
37	19D250030	Hoàng Thúy Nga	K55B1LH	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
38	20D250005	Phí Hữu Việt Anh	K56B1LH	Không đăng kí học tập trong học kì chính
39	19D120261	Phan Thanh Tùng	K56C4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
40	20D120176	Nguyễn Quang Minh	K56C3	Không đăng kí học tập trong học kì chính
41	21D120002	Đinh Mỹ Anh	K57C2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
42	21D120519	Phạm Văn Nhật	K57C1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
43	23D120075	Lầu Bá Kỳ	K59C2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
44	23D120105	Thái Trần Trâm Anh	K60C3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
45	24D120088	Vũ Trung Thành	K60C2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
46	23D122022	Phạm Minh Hiếu	K59CC1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
47	23D122088	Trần Tiến Thuận	K59CC2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
48	23D122114	Nguyễn Trung Hiếu	K59CC3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
49	24D121036	Phạm Duy Quang	K60CD1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
50	24D121116	Cần Hoàng Khôi Nguyên	K60CD3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
51	20D220004	Nguyễn Thị Vân Anh	K56T1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
52	23D220097	Trương Song Huy	K59T3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
53	22D270097	Nguyễn Thế Vinh	K58DC1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
54	24D270016	Vũ Ngọc Lâm	K60DC1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
55	21D150179	Nguyễn Thị Hòa	K57D2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
56	23D150038	Nông Minh Thái	K59D1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
57	23D150084	Nguyễn Thị Thúy	K59D2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
58	23D150156	Nguyễn Hoàng Lân	K59D4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
59	23D150176	Hoàng Doãn Toàn	K59D4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
60	23D155061	Đỗ Thái Cường	K59DD2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
61	23D151031	Phạm Ngọc Linh	K59DI1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
62	20D290030	Đặng Thanh Nga	K56DK1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
63	21D290115	Lê Huy Hiếu	K57DK1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
64	21D290166	Tô Thị Hòa	K57DK2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
65	24D290065	Bùi Minh Đức	K60DK2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
66	24D290066	Bùi Thị Hà	K60DK2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
67	21D130185	Phạm Thị Thùy	K57E2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
68	21D130248	Nông Xuân Đức	K57E4	Không đăng kí học tập trong học kì chính
69	22D130053	Vũ Tùng Dương	K58E2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
70	23D130157	Enkhtaivan Lkham	K59E3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
71	24D130070	Vũ Mạnh Đức	K60E2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
72	24D135128	Nguyễn Hoàng Sơn	K60EEI3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
73	20D260098	Phạm Khánh Nhi	K56EK2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
74	24D260072	Trần Phương Mai	K60EK2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
75	24D260076	Lê Thị Hồng Ngọc	K60EK2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
76	24D260094	Ngô Anh Tùng	K60EK2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
77	20D300011	Trần Minh Duy	K56LQ1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
78	20D300033	Lê Thùy Linh	K57LQ1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
79	21D300004	Nguyễn Tùng Anh	K57LQ1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
80	21D300016	Nguyễn Vũ Minh	K57LQ2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
81	21D300021	Lê Hồng Ngọc	K57LQ3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
82	22D300063	Vũ Huy Hoàng	K58LQ1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
83	23D300077	Nguyễn Linh Nhi	K59LQ2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
84	23D300111	Nguyễn Thu Huyền	K59LQ3	Không đăng kí học tập trong học kì chính
85	23D300146	Nguyễn Minh Châu	K59LQ4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
86	24D310095	Đặng Tiến Quang	K60LXI2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
87	20D160147	Hoàng Ngọc Chinh	K56F3	Không đăng kí học tập trong học kì chính
88	20D160158	Nguyễn Văn Hoàng	K56F3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
89	20D160329	Vũ Thị Thúy	K56F5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
90	21D160242	Trần Thị Kim Phụng	K57F3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
91	22D160037	Phạm Thị Linh Chi	K58F5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
92	22D160089	Trần Minh Hiếu	K59F2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
93	22D160111	Trần Thị Khánh Huyền	K58F4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
94	22D160177	Nguyễn Đức Ngọc	K58F4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
95	24D160008	Phạm Bảo Châu	K60F1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
96	24D160224	Đoàn Xuân Bình	K60F5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
97	20D200096	Đào Ngọc Khánh	K56P2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
98	20D200114	Nguyễn Hồng Sơn	K57P2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
99	21D200151	Đỗ Văn Trung	K57P1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
100	21D200251	Nguyễn Thanh Thảo	K57P3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
101	22D200009	Trần Việt Anh	K58P1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
102	23D201031	Vương Đại Chí Thành	K59PQ1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
103	19D180144	Phạm Hà Anh	K56H3	Không đăng kí học tập trong học kì chính

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
104	21D180151	Nguyễn Thanh Tùng	K57H1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
105	21D180244	Tạ Anh Quân	K57H3	Không đăng kí học tập trong học kì chính
106	21D180265	Bùi Ngọc Diệp	K57H4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
107	21D180312	Parinya BOUNMANY	K57H1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
108	22D180165	Nguyễn Thành Nam	K58H2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
109	22D180194	Liễu Minh Quyết	K58H3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
110	24D180076	Nguyễn Minh Phương	K60H2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
111	24D180084	Trần Thị Thu	K60H2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
112	24D186136	Nguyễn Phạm Duy Thái	K60HHI3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
113	21D280215	Lưu Văn Tiến	K57HC2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
114	23D280053	Đinh Thị Mỹ Dung	K59HC2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
115	23D280090	Bùi Đức Trung	K59HC2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
116	24D187052	Nguyễn Trường Giang	K60HT2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
117	21D170106	Bùi Hoàng Ngọc Bảo	K57N1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
118	21D170311	Ngô Băng Nhi	K57N5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
119	23D170015	Nguyễn Quang Hà	K59N1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
120	23D170065	Nguyễn Công Minh Châu	K59N2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
121	23D170120	Phan Quỳnh Chi	K59N3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
122	23D170255	Nguyễn Hoàng Nam	K59N5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
123	24D170094	Triệu Thị Bích Thảo	K60N2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
124	24D170068	Hoàng Đoàn Thu Giang	K60N2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
125	21D140127	Nguyễn Thị Kim Oanh	K57I1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
126	21D140299	Vũ Đức Mạnh	K57I5	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
127	22D140136	Nguyễn Hoài Minh	K58I4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
128	21D190010	Nguyễn Toàn Tiến	K57S1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
129	21D190174	Nguyễn Bạch Khánh	K57S2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
130	22D190141	Nguyễn Thị Phương Thảo	K58S4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00

STT	Mã SV	Họ và tên	LHC	Lý do cảnh báo kết quả học tập
131	23D190167	Trương Thành Long	K59S4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
132	24D190037	Võ Thị Phương Thảo	K60S1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
133	20D210044	Triệu Đức Nhật	K56U1	Không đăng kí học tập trong học kì chính
134	20D210128	Nguyễn Thị Phương	K56U2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
135	20D210220	Mùa A Thu	K57U3	Không đăng kí học tập trong học kì chính
136	21D210264	Trịnh Mỹ Anh	K57U4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
137	22D210251	Hà Thị Hải Yến	K58U1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
138	24D212014	Chu Thị Hà	K60UUI1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
139	20D105064	Phạm Lan Anh	K56Q2	Không đăng kí học tập trong học kì chính
140	24D105012	Nguyễn Phúc Đạt	K60Q1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
141	21D107025	Đỗ Tuấn Kiệt	K57QT2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
142	22D107175	Trần Ngọc Sơn	K58QT1	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
143	23D107159	Nguyễn Xuân Quân	K59QT3	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
144	23D107231	Đào Thị Mai Xuân	K59QT4	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
145	23D400051	Trần Nhật Hào	K59V2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
146	23D400066	Nguyễn Thị Khánh Linh	K59V2	Điểm trung bình học kì dưới 1,00
147	23D400080	Phạm Hồng Thạch	K59V2	Không đăng kí học tập trong học kì chính

(Danh sách trên bao gồm 147 sinh viên)

KT. HIỆU TRƯỞNG ^{ASW}
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG

 GS, TS Nguyễn Hoàng Việt